

QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

★ TS ĐẶNG VIỆT ĐẠT

Học viện Chính trị khu vực IV

● **Tóm tắt:** Đồng bằng sông Cửu Long có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh, nhưng đang chịu nhiều tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu. Vì vậy, nâng cao năng lực quản trị địa phương ứng phó với biến đổi khí hậu là một trong những nhiệm vụ quan trọng để thúc đẩy phát triển, phù hợp với vai trò, vị trí chiến lược, trở thành vùng phát triển hiện đại, sinh thái, văn minh và bền vững. Bài viết phân tích tính tất yếu của việc nâng cao năng lực quản trị địa phương ứng phó với biến đổi khí hậu và đưa những khuyến nghị cho công tác này ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới.

● **Từ khóa:** đồng bằng sông Cửu Long; quản trị địa phương; ứng phó với biến đổi khí hậu.

1. Năng lực quản trị địa phương ứng phó với biến đổi khí hậu

Từ những năm 70 thế kỷ XX, lý thuyết quản trị nhà nước ra đời nhằm cải thiện hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng phục vụ công trong bối cảnh các nguồn lực công đang trở nên khan hiếm. Lý thuyết này chỉ rõ, nhà nước không còn là chủ thể độc tôn, duy nhất trong quản lý xã hội mà chủ yếu đóng vai trò tạo dựng môi trường và khuyến khích người dân, các tổ chức xã hội và doanh nghiệp tham gia ngày càng sâu vào tổ chức, quản lý các hoạt động của xã hội, phù hợp với tính chất, điều kiện của từng chủ thể⁽¹⁾. Với cách tiếp cận đó, lý thuyết quản trị nhà nước nhanh chóng được vận dụng ở nhiều

nước trên thế giới trong quá trình cải cách, nâng cao năng lực quản lý nhà nước.

Ở cấp độ địa phương, quản trị địa phương dùng để chỉ việc xây dựng và thực hiện các hành động tập thể ở cấp địa phương, gồm việc thực hiện các vai trò trực tiếp và gián tiếp của các thể chế chính thức của chính quyền địa phương và hệ thống phân cấp của chính phủ, cũng như vai trò của các quy phạm phi chính thức (tập quán, hương ước, lệ làng, v.v.), mạng lưới, tổ chức cộng đồng và các hiệp hội trong việc cùng nhau hành động để xác định khuôn khổ cho việc tương tác giữa công dân với nhau và công dân với nhà nước, ra quyết định tập thể và cung cấp các dịch vụ công tại địa phương. Quản trị địa phương tốt

không chỉ là cung cấp tốt các dịch vụ ở địa phương mà còn bảo tồn cuộc sống, quyền tự do của người dân, tạo ra không gian cho sự tham gia và đối thoại dân chủ của công dân, hỗ trợ địa phương phát triển bền vững, tạo điều kiện để nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Trong hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) nhà nước giữ vai trò gắn kết các chủ thể và phân bổ hiệu quả nguồn lực nhằm ứng phó tốt với vấn đề này. Tuy nhiên, nhà nước không thể hoàn thành được trọng trách này nếu thiếu sự tham gia của cộng đồng. Cho nên, quản trị ứng phó với BĐKH là các hoạt động nhằm phát huy tốt sự tham gia của các chủ thể trong xã hội, đặc biệt là sự tham gia của cộng đồng (thông qua sự tham gia của cá nhân hoặc các tổ chức đại diện cho họ), đồng thời,

huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội dưới sự quản lý, điều hành của nhà nước nhằm nâng cao năng lực dự báo, xây dựng các kịch bản, các biện pháp ứng phó với sự BĐKH. Qua đó, bảo đảm cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Quản trị ứng phó với BĐKH thể hiện ở cả cấp độ trung ương và địa phương với chung một mục đích là nâng cao năng lực thích ứng, tăng cường khả năng chống chịu của các chủ thể, góp phần vào phát triển bền vững. Ở cấp độ địa phương, quản trị ứng phó với BĐKH tập trung vào thúc đẩy sự phối hợp và sự tham gia của các chủ thể (nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức xã

hội, v.v..) và của cộng đồng, thích ứng với BĐKH. Mô hình quản trị địa phương ứng phó với BĐKH là sự tích hợp giữa lý thuyết quản trị địa phương với lý thuyết về thích ứng với BĐKH dựa vào cộng đồng. Theo lý thuyết này, cộng đồng là trọng tâm, dựa vào những ưu tiên, nhu cầu, kiến thức và năng lực cộng đồng để giúp những người quản trị lên kế hoạch nhằm ứng phó tốt với các tác động của BĐKH.

Vì vậy, nâng cao năng lực quản trị địa phương ứng phó với BĐKH đã và đang trở thành vấn đề cấp thiết, được các chính trị gia, nhà hoạch định chính sách, các nhà khoa học đặc biệt quan tâm trong các chương trình nghị sự và tham vấn chính sách hiện nay.

Năng lực quản trị địa phương ứng phó với BĐKH là khả năng đáp ứng có hiệu quả của các chủ thể quản trị địa

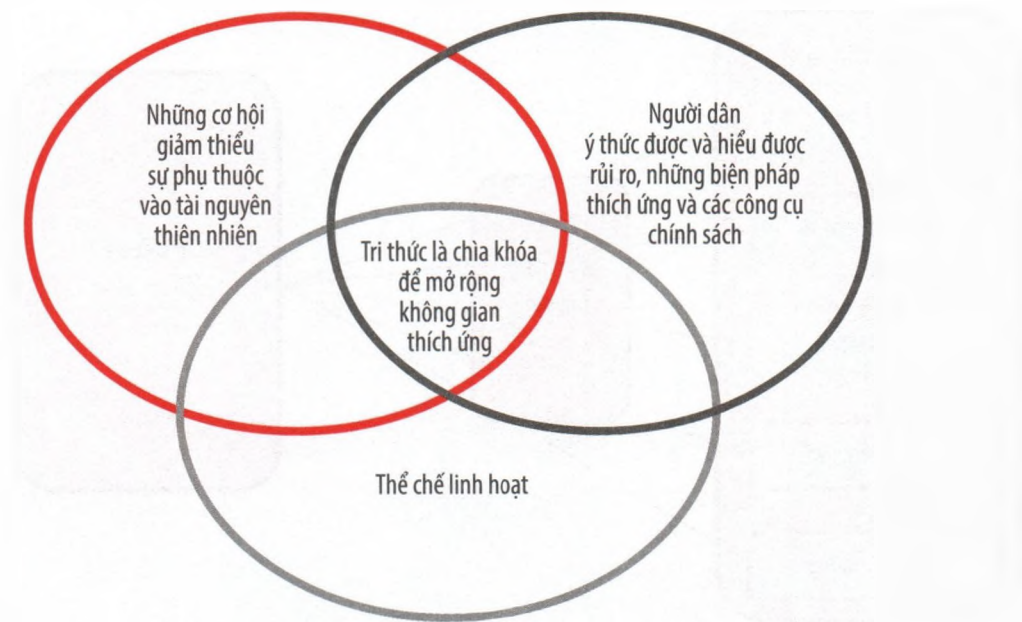
phương, gồm: chính quyền địa phương (cơ quan hành chính, cơ quan dân cử, các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội), các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và người dân tham gia vào quá trình hoạch định, thực thi các chính sách phát triển kinh tế - xã hội thích ứng với BĐKH.

Thực tế cho thấy, bên cạnh sự phụ thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên, năng lực quản trị thích ứng với BĐKH còn phụ thuộc vào: (1) sự hiểu biết của từng cá nhân và cộng đồng; (2) tính linh hoạt của thể chế, thiết chế trong cấu trúc quản trị (*Hình 1*).

Trong mô hình quản trị địa phương ứng phó với BĐKH, chính quyền địa phương phải giải

Quản trị ứng phó với BĐKH là các hoạt động nhằm phát huy tốt sự tham gia của các chủ thể trong xã hội, đặc biệt là sự tham gia của cộng đồng (thông qua sự tham gia của cá nhân hoặc các tổ chức đại diện cho họ), đồng thời, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội dưới sự quản lý, điều hành của nhà nước nhằm nâng cao năng lực dự báo, xây dựng các kịch bản, các biện pháp ứng phó với sự BĐKH. Qua đó, bảo đảm cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Hình 1: Hệ thống quản trị thích ứng BĐKH⁽²⁾



quyết tốt hàng loạt các mối quan hệ: (1) Giữa chính quyền địa phương và chính quyền trung ương; (2) Giữa các chính quyền địa phương với nhau; (3) Giữa chính quyền địa phương với các chủ thể khác trong phạm vi địa phương: doanh nghiệp, người dân, các tổ chức xã hội; xoay quanh mối quan hệ giữa khu vực công (gồm: nhà nước và tổ chức chính trị thuộc đảng cầm quyền), khu vực tư và khu vực thứ ba (khu vực giao thoa giữa khu vực công, khu vực tư nhưng không thuộc khu vực nhà nước). Các mối quan hệ này cùng nhau giải quyết các vấn đề: ngân sách; nguồn nhân lực; chức năng và nhiệm vụ.

Việc đánh giá năng lực quản trị địa phương thích ứng với BĐKH được thể hiện thông qua việc xác định khả năng (mức độ sẵn sàng đáp ứng và tính hiệu quả) của các chủ thể tham gia (nhà nước, đảng cầm quyền, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, người dân) trong việc sẵn sàng cung ứng năm loại vốn khác nhau: vốn xã hội, vốn chính trị, vốn con người, vốn tài chính và

vốn môi trường để thực hiện các mục tiêu, kế hoạch ứng phó với BĐKH⁽⁴⁾ (Hình 2).

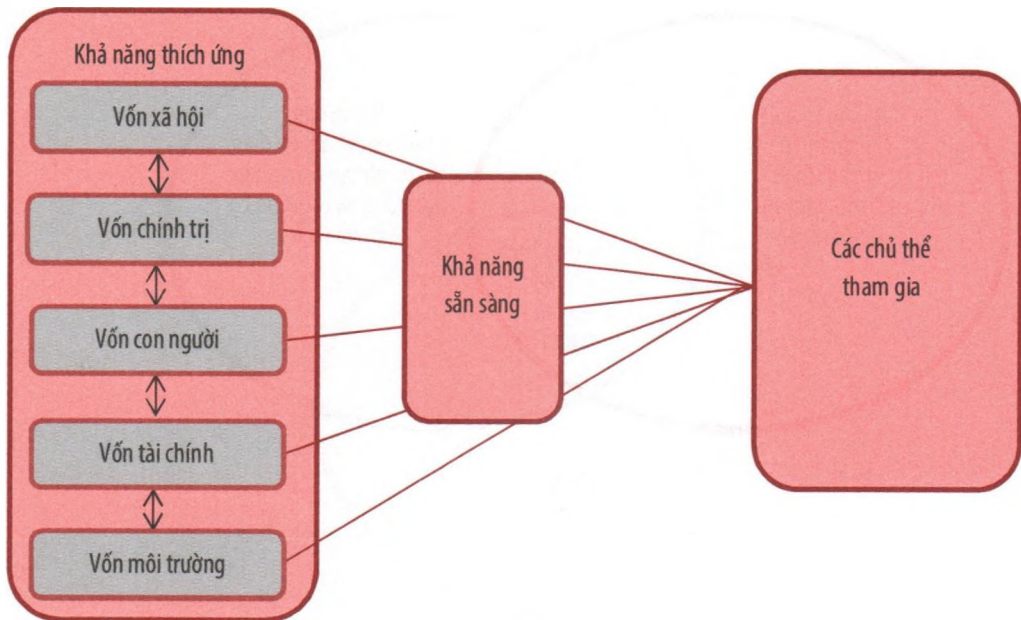
2. Yêu cầu nâng cao năng lực quản trị địa phương ứng phó với biến đổi khí hậu khu vực đồng bằng sông Cửu Long

Nâng cao năng lực quản trị địa phương ứng phó với BĐKH khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) xuất phát từ những nhu cầu thực tiễn và lý luận sau:

Thứ nhất, BĐKH đã và đang tạo ra những thách thức mới

ĐBSCL là một trong sáu vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam, gồm 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chiếm 12% diện tích và 19% dân số cả nước, với mạng lưới sông, ngòi, kênh, rạch dày đặc; có vị trí thuận tiện trong giao thương với các nước ASEAN và Tiểu vùng sông Mê Kông⁽⁵⁾. Đây là vùng có nhiều lợi thế về phát triển nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, du lịch, năng lượng tái tạo và là trung tâm sản xuất nông nghiệp lớn nhất của Việt Nam.

Hình 2: Mô hình đánh giá năng lực quản trị địa phương ứng phó với BĐKH(3)



Mặc dù có nhiều lợi thế trong phát triển nhưng ĐBSCL lại là vùng đất thấp, với 3 mặt Đông, Nam và Tây Nam giáp biển (có đường bờ biển dài 700km) và đây là một trong những vùng đồng bằng châu thổ chịu tác động lớn nhất của BĐKH. Tác động của BĐKH với các biểu hiện như: nước biển dâng cao, bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn; sạt lở bờ sông nghiêm trọng cùng với việc sử dụng nguồn nước từ thượng nguồn đã khiến ĐBSCL ngày càng phải đối mặt với nhiều thách thức mới, có thể kể đến:

Hạn hán và xâm nhập mặn. BĐKH đang gây ra cho ĐBSCL những thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội: chỉ riêng đợt nắng nóng kéo dài do hiện tượng El Nino cuối năm 2015 đến giữa năm 2016 đã khiến các đợt hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra nghiêm trọng nhất trong lịch sử, các tỉnh ĐBSCL bị xâm nhập mặn từ 50 - 70 km; đặc biệt, sông Vàm Cỏ có lúc xâm nhập mặn lên tới hơn 90 km, gây thiệt hại lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, khiến cho khoảng 160.000 ha lúa của

vùng bị thiệt hại, trong đó, có hơn 50% diện tích bị mất trắng; làm cho khoảng 1,5 triệu người bị thiếu nước sinh hoạt; thiệt hại toàn vùng khoảng 5.500 tỷ đồng⁽⁶⁾. Trong đợt hạn mặn năm 2019-2020, mức độ khắc nghiệt và diện rộng hơn đợt hạn mặn lịch sử năm 2015-2016⁽⁷⁾.

Sạt lở bờ sông, bờ biển với tần suất và quy mô chưa từng có trong hơn 300 năm qua. Tính đến năm 2019, khu vực ĐBSCL có 564 điểm sạt lở với tổng chiều dài trên 834 km, trong đó có 512 điểm sạt lở bờ sông với tổng chiều dài khoảng 560 km (chủ yếu diễn ra dọc theo sông Tiền, sông Hậu, sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây và các nhánh chính của hệ thống kênh, rạch); sạt lở bờ biển ở 52 điểm với tổng chiều dài 268 km⁽⁸⁾; v.v.. Mỗi năm, ĐBSCL chịu thiệt hại hàng chục tỷ USD, hàng chục triệu người bị đe dọa đến sinh kế. BĐKH, thiên tai đang ngày càng diễn ra nhanh, phức tạp và sẽ tiếp tục khó lường, khó dự báo do tính thất thường, cực đoan, đặc biệt là với những tác động ngắn hạn. Trong bối cảnh toàn cầu ứng

phó với BĐKH, đặc biệt là giảm phát thải khí nhà kính, vẫn chưa đạt được các mục tiêu, ĐBSCL sẽ tiếp tục phải đối mặt với nhiều tác động bất lợi trong tương lai gần. Các hoạt động khai thác, sử dụng nước ở thượng nguồn, đặc biệt là các dự án thủy điện trên dòng chính sông Mê Kông làm cho vấn đề nguồn nước ngày càng phức tạp hơn trong khi cơ chế điều phối tiểu vùng có những bất cập, khó phát huy tối đa hiệu quả, tình trạng thiếu cát, thiếu màu, thiếu nước được dự báo sẽ còn tiếp diễn nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến phát triển ĐBSCL.

ĐBSCL đối mặt với nguy cơ nước biển dâng. Theo số liệu đo đạc từ vệ tinh giai đoạn năm 1993-2010, tính trung bình cho toàn dải ven biển Việt Nam, mực nước biển tăng khoảng 2,9 mm/năm, trong đó khu vực ven biển Trung Nam Bộ và Tây Nam Bộ có xu hướng tăng mạnh hơn. Theo dự báo của các chuyên gia, “nếu nhiệt độ nước biển tăng 3 độ C trong một thế kỷ tới thì mực nước biển tại vùng sẽ dâng cao từ 55 đến 75cm, khiến 40% diện tích khu vực này bị ngập nước. Dự báo năm 2030, nước biển dâng làm cho 45% diện tích ĐBSCL bị nhiễm mặn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và cuộc sống của người dân...”⁽⁹⁾.

Thứ hai, xuất phát từ những hạn chế trong việc thực hiện giải pháp thích ứng với BĐKH tại khu vực ĐBSCL

Các nhà hoạch định chính sách của khu vực đã sớm xác định “biến đổi khí hậu và nước biển dâng là xu thế tất yếu, phải sống chung và thích nghi, phải biến thách thức thành cơ hội”⁽¹⁰⁾. Để thực hiện chủ trương này, đòi hỏi sự tham gia của các cấp, các ngành, của rất nhiều các chủ thể, đặc biệt là các chủ thể quản trị địa phương thích ứng với BĐKH, do đó cần phải thực hiện nâng cao năng lực này. Những năm qua, ĐBSCL đã triển khai nhiều chủ trương, chính sách thích

ứng với BĐKH, các giải pháp công trình và phi công trình đã được thực hiện. Tuy nhiên, nhiều tác động tiêu cực của BĐKH vẫn chưa được giải quyết, vùng ĐBSCL chưa thể thực hiện mục tiêu biến thách thức thành thời cơ phát triển. Thực tế này phản ánh năng lực quản trị địa phương ứng phó với BĐKH của vùng ĐBSCL còn nhiều hạn chế, cụ thể:

Một là, các cấp, các ngành, các địa phương trong phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của mình còn thiếu chủ động trong nghiên cứu, huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm khắc phục tác động tiêu cực của BĐKH. Việc phát huy vai trò của cộng đồng trong ứng phó đối với BĐKH ở ĐBSCL chưa hiệu quả; chưa phát huy hiệu quả sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong giám sát và phản biện xã hội đối với quá trình hoạch định, thực thi cơ chế, chính sách phát triển cho công tác này.

Hai là, sự phối hợp giữa chính quyền địa phương, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp và người dân còn lúng túng. Đa số các tỉnh, thành phố thiếu mạnh dạn trong quyết định chuyển giao vai trò cung ứng dịch vụ môi trường cho tư nhân, chưa có kinh nghiệm triển khai dịch vụ môi trường đô thị theo hình thức hợp tác Nhà nước và tư nhân, chưa có tiếng nói chung giữa Nhà nước và cộng đồng nhà đầu tư trong lĩnh vực môi trường và ứng phó với BĐKH.

Ba là, khi các nỗ lực toàn cầu, đặc biệt là giảm phát thải khí nhà kính vẫn chưa đạt được như kỳ vọng; hoạt động khai thác, sử dụng nước ở thượng nguồn sông Mê Kông ngày càng phức tạp; cơ chế điều phối tiểu vùng khó phát huy hiệu quả, ĐBSCL sẽ tiếp tục phải đối mặt với nhiều tác động bất lợi: thiếu cát, thiếu màu, thiếu nước sẽ còn tiếp diễn nghiêm trọng. Thực tiễn cho thấy, quản trị địa phương ứng phó với BĐKH ở khu vực

ĐBSCL chưa phát huy được hiệu quả là do thiếu cơ chế huy động và phối hợp giữa các chủ thể trong xã hội, đặc biệt là cộng đồng và các tổ chức xã hội; thiếu nguồn lực, thiếu hiệu quả trong sử dụng các nguồn lực công trong thực hiện các chính sách thích ứng với BĐKH.

Bốn là, cơ chế thu hút nguồn lực đầu tư từ khối tư nhân và xã hội còn gặp nhiều khó khăn, chưa tạo được đột phá. Một phần do tác động của đại dịch Covid-19 chưa hoàn toàn tập trung nguồn lực cho các chương trình, dự án tạo động lực để thực hiện chuyển đổi quy mô lớn. Các địa phương hiện nay gặp khó khăn về nguồn kinh phí và đều trông chờ vào kinh phí của Chính phủ; các tỉnh, thành phố chưa chú trọng đến việc huy động hoặc huy động chưa hiệu quả sự tham gia đầu tư của khu vực tư nhân, đôi khi còn chưa chủ động trong việc huy động các nguồn vốn.

Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình quản lý nhà nước ứng phó với BĐKH ở địa phương sang mô hình quản trị địa phương ứng phó với BĐKH

Quản lý nhà nước đối với BĐKH ở địa phương do chính quyền địa phương thực hiện trên cơ sở kế hoạch, phân bổ nguồn lực và định hướng của chính quyền nhà nước. Thực tế phản ứng của chính quyền luôn có “độ trễ” so với yêu cầu thực tiễn cấp bách của cuộc sống, vì thế quản lý nhà nước đối với BĐKH ở địa phương không đáp ứng được yêu cầu biến đổi nhanh chóng.

Để ứng phó với BĐKH cần phải có cách tiếp cận mới là quản trị địa phương, cách tiếp cận này chú trọng đến tính tự quản của chính quyền địa phương và huy động sự tham gia của nhiều chủ thể vào quản lý các công việc của cộng đồng. Trong đó, chủ thể quản trị địa phương không chỉ thuộc về chính quyền địa phương (cơ quan dân cử và cơ quan hành chính) mà còn có cộng đồng dân cư, các tổ chức đại diện của người dân, các

tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức phi chính phủ; phương thức quản trị địa phương gắn liền với tự quản cộng đồng.

Theo đó, các chính sách ứng phó với BĐKH phải lấy cộng đồng dân cư làm trung tâm và các bên liên quan khác liên kết phối hợp dưới sự quản lý, điều hành của Nhà nước (các cấp chính quyền); trong lĩnh vực ứng phó với BĐKH cần phải phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo với phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ) và chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả⁽¹¹⁾.

3. Giải pháp nâng cao năng lực quản trị địa phương ứng phó với biến đổi khí hậu ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long

Trong bối cảnh hiện nay, “BĐKH ngày càng cực đoan, khó lường, tác động nhanh và mạnh hơn so với các dự báo trước đây; đồng thời, các hoạt động khai thác tài nguyên nước ở thượng nguồn và nội vùng tiếp tục gia tăng; tình trạng sụt lún đất, xâm thực biển, xói lở bờ sông, bờ biển; thiếu nước, xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng, nguy cơ tác động tiêu cực đến toàn vùng”⁽¹²⁾, việc nâng cao năng lực quản trị nhà nước với BĐKH ở khu vực ĐBSCL là việc cần thiết cả phương diện lý luận và thực tiễn, các địa phương cần tập trung vào các nội dung:

Thứ nhất, lồng ghép các yếu tố của BĐKH vào chính sách phát triển kinh tế - xã hội khu vực ĐBSCL, phát huy phương châm “bốn tại chỗ” trong ứng phó với BĐKH

Trong quá trình hoạch định chính sách, các địa phương trong khu vực cần tiếp tục lồng ghép các yếu tố của BĐKH vào từng mục tiêu phát triển, quy hoạch, kế hoạch, chương trình theo những định hướng cụ thể sau:

(1) Việc lồng ghép được dựa trên quan điểm của việc phát triển kinh tế bền vững. Phát triển

kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển xanh, bền vững;

(2) Việc lồng ghép mang tính toàn diện có trọng tâm, trọng điểm. Quan điểm toàn diện được quán triệt ở việc lồng ghép trong tất cả các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở mọi cấp độ; được thực hiện ở hầu hết các ngành, các lĩnh vực, như: nông, lâm nghiệp, y tế, giáo dục, giao thông vận tải, quốc phòng - an ninh... Quan điểm lồng ghép có trọng tâm, trọng điểm được thể hiện ở việc ưu tiên các công việc cấp bách, trước mắt và ứng phó với những tác động nghiêm trọng hay tác động lâu dài;

(3) Việc lồng ghép dựa trên quan điểm phòng ngừa là chính. Công tác phòng ngừa là giải pháp hữu hiệu và ít tốn kém hơn cả trong việc ứng phó với tác động của BĐKH;

(4) Việc lồng ghép dựa trên quan điểm Nhà nước và nhân dân cùng làm và đó cũng là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị. Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai kết hợp sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, đồng thời huy động mọi nguồn lực của cộng đồng, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

(5) “Sống chung với lũ” là một quan điểm được xác định trong chiến lược ứng phó với BĐKH của Việt Nam. Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải thực hiện theo phương châm “4 tại chỗ” và chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả. Công tác khắc phục hậu quả phải kết hợp với khôi phục và nâng cấp, bảo đảm sự phát triển bền vững của từng vùng và từng lĩnh vực.

Thứ hai, tăng cường sự tham gia của các chủ thể ngoài Nhà nước vào quá trình ứng phó với BĐKH khu vực ĐBSCL

Các chính sách về ứng phó với BĐKH phải quán triệt chủ trương của Đảng và chính sách

của Nhà nước về “huy động sự tham gia chủ động, tích cực của các cộng đồng trong xã hội”⁽¹³⁾, đặc biệt là các doanh nghiệp, người dân và các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội, tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ ĐBSCL. Trong đó, tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực ứng phó BĐKH của đội ngũ cán bộ quản lý cấp sở, phòng ở các địa phương; nâng cao nhận thức người dân về ứng phó với BĐKH, kết hợp giữa giải pháp kỹ thuật với giải pháp chính sách.

Thứ ba, liên kết chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, giữa các địa phương với nhau và giữa nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông

Khuyến khích thực hiện mô hình kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên với phát triển sinh kế cộng đồng dân cư, khuyến khích cộng đồng dân cư xây dựng mô hình tự quản về bảo vệ môi trường và tổ chức hoạt động dịch vụ giữ gìn vệ sinh môi trường; gắn lợi ích của các chủ thể này với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ứng phó với BĐKH.

Thứ tư, đẩy mạnh phân cấp cho chính quyền địa phương vùng ĐBSCL

Phân cấp được xem như là một cách để làm cho Nhà nước hoạt động hiệu quả hơn và thúc đẩy phát huy dân chủ. Vì vậy, Chính phủ cần đẩy mạnh việc phân cấp cho chính quyền địa phương các cấp, trong đó chú trọng phát huy tốt vai trò của Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL để phát triển bền vững theo hướng dựa vào thiên nhiên, thích nghi với BĐKH, đoàn kết cả vùng, kết nối cả vùng, cả vùng vươn lên. Việc phân cấp chính quyền địa phương, đặc biệt là các địa phương khu vực ĐBSCL phải theo quan điểm chỉ đạo tại Đại hội XIII của Đảng: “Cải cách phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng phân định rõ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, bảo đảm vai trò chủ

đạo của ngân sách trung ương, nâng cao tính chủ động, tự chủ của ngân sách địa phương”⁽¹⁴⁾.

Thứ năm, các tỉnh, thành trong khu vực ĐBSCL cần đẩy mạnh chuyển đổi số, chú trọng xây dựng chính quyền điện tử; đồng thời thực hiện tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cá thể hóa trách nhiệm của lãnh đạo các cấp trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với ứng phó với BĐKH, đặc biệt trong công tác dự báo, cảnh báo thiên tai do BĐKH gây ra. Thực hiện các biện pháp chủ động thích ứng với BĐKH; các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động tiêu cực từ BĐKH; hợp tác chặt với các nước tiểu vùng sông Mê Kông.

Nâng cao năng lực quản trị địa phương ứng phó với BĐKH khu vực ĐBSCL hiện nay là nhiệm vụ thường trực, vừa cấp bách trước mắt, vừa lâu dài. Để nâng cao năng lực này, bên cạnh việc phối hợp hiệu quả, tăng cường sự hợp tác, liên kết giữa các cấp, các ngành, giữa các địa phương, mỗi địa phương trong khu vực ĐBSCL phải tự cải thiện để nâng cao năng lực quản trị địa phương trong ứng phó với BĐKH để phát triển hiệu quả, bền vững □

Ngày nhận bài: 6-9-2022; Ngày bình duyệt: 18-9-2022; Ngày duyệt đăng: 26-10-2022.

(1) Gerry Stocker: “Governance As Theory: Five Propositions”, *International Social Science Journey*, t.50, 1998, tr.4-5.

(2) Maria Brockhaus and Hermann Kambiré, “Decentralization: a window of opportunity for successful adaptation to climate change?”, in book W. Neil Adger, Irene Lorenzoni and Karen L. O’Brien (Eds), *Adapting to Climate Change: Thresholds, Values, governance*, Cambridge University Press, New York, 2009, tr.413- 414.

(3), (4) D. S. Williams, L. Celliers, K. Unverzagt, N. Videira, M. Mánuez Costa, and R. Giordano: *A Method for Enhancing Capacity of Local Governance for Climate Change Adaptation*, <https://agupubs.onlinelibrary.wiley.com/>, 2020 truy cập ngày 28-8-2022.

(5), (10) Chính phủ: *Nghị quyết số 120/NQ-CP về Phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*, ngày 17-11-2017.

(6) Bùi Quang Tuấn và Hà Huy Ngọc: “Thế chế liên kết vùng nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Cộng sản, Chuyên đề cơ sở*, số 145, 2019, tr.50.

(7) Bộ Tài nguyên và Môi trường: *Kỷ yếu Hội nghị lần thứ ba về phát triển bền vững Đồng bằng Sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*, Nxb Dân trí, 2021, tr.11.

(8) MQ: *Đồng bằng sông Cửu Long đang tổn thương nặng nề do biến đổi khí hậu*, <https://laodong.vn/xa-hoi/dong-bang-song-cuu-long-dang-ton-thuong-nang-ne-do-bien-doi-khi-hau-739650.ldo>, ngày 18-06-2019.

(9) Hải Châu: *40% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long có nguy cơ bị ngập nước*, <http://cand.com.vn/>.

(11) Xem Đặng Viết Đạt: “Đưa các yếu tố biến đổi khí hậu vào chính sách phát triển ở Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 4-2014.

(12) Thủ tướng Chính phủ: *Chỉ thị số 23/CT-TTg về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*, ngày 05-09-2019.

(13) Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam: *Ứng phó biến đổi khí hậu nhìn từ góc độ cộng đồng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.114.

(14) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.178.